

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 368/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp
để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết các nội dung được giao tại khoản 5 Điều 11; khoản 2 Điều 14; khoản 2 Điều 23; khoản 4 Điều 25; khoản 7 Điều 34; khoản 6 Điều 35; khoản 5 Điều 36; khoản 5 Điều 37; khoản 5 Điều 38; khoản 4 Điều 39; khoản 4 Điều 40; khoản 4 Điều 41; khoản 7 Điều 42; khoản 7 Điều 43; khoản 7 Điều 44; khoản 3 Điều 45; khoản 3 Điều 46; khoản 3 Điều 47; khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 53; khoản 6 Điều 80; khoản 3 Điều 82; khoản 7 Điều 84; khoản 2 Điều 85; điểm b, c và d khoản 2 Điều 89; khoản 5 Điều 90; khoản 9 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng về: Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; việc ủy quyền quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”; quy định chuyển tiếp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cá nhân người Việt Nam; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và các hội khác, đơn vị lực

lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình; doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước gồm: Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.
2. Các danh hiệu thi đua cấp Nhà nước gồm: “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.
3. Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ thường xuyên mà cá nhân, tập thể phải đảm nhiệm, được giao hoặc thành tích đạt được trong tình huống cấp bách, nguy hiểm cần phải xử lý kịp thời.
4. Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc trong dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, văn hóa, thể thao và các lĩnh vực khác ở trong nước hoặc khu vực, thế giới.
5. Tổ chức kinh tế khác là tổ chức kinh tế được đăng ký thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, có hoạt động sản xuất, kinh doanh với mục đích phát triển kinh tế; có điều lệ, cơ cấu tổ chức rõ ràng, địa chỉ cụ thể, có tài sản để hoạt động; có tư cách pháp nhân.
6. Điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng là việc điều chỉnh một hoặc một số thông tin trong quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền đối với tập thể, cá nhân, hộ gia đình đã được khen thưởng do chưa đúng với thông tin trong bản khai hoặc báo cáo thành tích.

Điều 4. Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn.
2. Cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ theo quy định.

3. Chỉ dùng kết quả khen thưởng công trạng làm căn cứ để xét thành tích khen thưởng công trạng cho lần tiếp theo.

4. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền có kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc văn bản đã xác minh làm rõ cá nhân, tập thể không có sai phạm hoặc không có dấu hiệu vi phạm thì cấp có thẩm quyền thực hiện việc khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định.

5. Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định của pháp luật được tính là thời gian công tác để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

6. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

7. Thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến đối với cá nhân là nữ lãnh đạo, quản lý được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung. Trường hợp cá nhân nữ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn theo quy định của pháp luật thì thời gian để xét khen thưởng quá trình cống hiến thực hiện theo quy định chung.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA; ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; THẨM QUYỀN KHEN THƯỞNG; VIỆC ỦY QUYỀN KHEN THƯỞNG

Mục 1

DANH HIỆU CHIẾN SĨ THI ĐUA CƠ SỞ, DANH HIỆU CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 5. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng, không quá 10% trong tổng số cá nhân đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” (không bao gồm cá nhân được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng).

Điều 6. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” xét tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng, được cụm, khối thi đua (do bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức) đánh giá, so sánh, bình xét, suy tôn là tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua.

Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” theo quy định tại khoản này không quá 20% tổng số tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức và đạt tiêu chuẩn tặng cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh.

2. Tập thể được xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng đạt các tiêu chuẩn:

- a) Có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- b) Thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh;
- c) Thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng.

Tập thể quy định tại khoản 2 Điều này được cụm, khối thi đua (do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức) đánh giá, so sánh, bình xét, suy tôn là tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng đạt tiêu chuẩn:

- a) Đối với bộ, ban, ngành: Tập thể có nhiều thành tích tiêu biểu xuất sắc trong tham mưu xây dựng thể chế, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới nội dung và hình thức tổ chức phong trào thi đua, các cuộc vận động để huy động sự tham gia tích cực của đoàn viên, hội viên;
- b) Đối với địa phương: Tập thể đạt nhiều thành tích nổi trội trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự xã hội; có mô hình mới, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả cao trong cả nước.

Tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này được bộ, ban, ngành, tỉnh xét chọn, lập danh sách đề nghị khen thưởng; Bộ Nội vụ tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG QUÁ TRÌNH CÔNG HIẾN VÀ KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH CAO

Điều 7. Quy định chung về khen thưởng quá trình công hiến

1. Thời gian tham gia công tác để xét khen thưởng quá trình công hiến quy định như sau:

a) Cán bộ tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945 là những người tham gia cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương hoặc được kết nạp lại trước ngày 19 tháng 8 năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

b) Cán bộ tiền khởi nghĩa là người tham gia cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

c) Cán bộ hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ là người có thời gian tham gia công tác liên tục từ sau ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

d) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp là người có thời gian tham gia công tác liên tục trong thời gian từ sau ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954;

đ) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ là người tham gia công tác liên tục trong khoảng thời gian sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

e) Người hoạt động liên tục ở chiến trường miền Nam là người hoạt động liên tục ít nhất 10 năm ở chiến trường miền Nam, Lào, Campuchia. Trường hợp hoạt động liên tục ở chiến trường từ trước năm 1960 thì thời gian hoạt động liên tục tính đến tháng 01 năm 1973. Trường hợp vào chiến trường từ năm 1964 thì thời gian hoạt động liên tục tính đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

g) Cán bộ công tác trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là người tham gia công tác từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

2. Thời gian, chức vụ xét khen thưởng:

a) Bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng quá trình công hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn khi có thông báo nghỉ chế độ hưu trí hoặc có quyết định nghỉ hưu mà chưa được khen thưởng quá trình công hiến (kể cả các trường hợp đã hy sinh, tử trận). Đối với cá nhân khi hết tuổi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn thì được xét khen thưởng quá trình công hiến khi hết tuổi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Trường hợp cá nhân đã được khen thưởng quá trình công hiến hoặc trước khi nghỉ hưu không thuộc đối tượng khen thưởng quá trình công hiến, sau khi nghỉ hưu tiếp tục công tác và có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được khen thưởng quá trình công hiến thì được xét khen thưởng quá trình công hiến đối với thời gian công tác, giữ chức vụ của giai đoạn công tác sau này và được đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác theo quy định nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

Trường hợp cá nhân thuộc đối tượng khen thưởng quá trình công hiến nhưng chưa đủ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến, sau khi nghỉ hưu tiếp tục công tác và có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được xét khen thưởng quá trình công hiến thì được cộng dồn thời gian giữ chức vụ trước và sau khi nghỉ hưu để xét khen thưởng quá trình công hiến và được đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác theo quy định nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

b) Cá nhân có thời gian giữ chức vụ nhưng không đủ thời gian để được khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để tính tiêu chuẩn khen thưởng theo chức vụ thấp hơn liền kề (nếu chức vụ thấp hơn liền kề thuộc tiêu chuẩn khen thưởng quá trình công hiến);

c) Cá nhân trong cùng một thời gian đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau thì lấy chức vụ cao nhất để làm căn cứ áp dụng tiêu chuẩn khen thưởng;

d) Cá nhân thực hiện yêu cầu luân chuyển, điều động hoặc do sắp xếp tổ chức được cấp có thẩm quyền quyết định giữ chức vụ thấp hơn trước khi luân chuyển, điều động, sắp xếp tổ chức, khi xem xét khen thưởng được tính đến thời điểm hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc hết thời gian bổ nhiệm của chức vụ trước khi luân chuyển, điều động, sắp xếp tổ chức và được tính thời gian liên tục theo chức vụ đó để làm căn cứ xét khen thưởng.

đ) Cá nhân có thời gian công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân sau đó chuyển ngành, công tác tại bộ, ban, ngành, địa phương được thực hiện như sau:

Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân đủ tiêu chuẩn khen thưởng quá trình công hiến thì đề nghị hình thức, mức hạng khen thưởng quá trình công hiến theo thời gian giữ chức vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ tại bộ, ban, ngành, địa phương đủ tiêu chuẩn khen thưởng quá trình công hiến thì đề nghị hình thức, mức hạng khen thưởng quá trình công hiến theo thời gian giữ chức vụ tại bộ, ban, ngành, địa phương.

Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân và thời gian giữ chức vụ tại bộ, ban, ngành, địa phương đều đủ tiêu chuẩn để khen thưởng quá trình cống hiến thì chỉ được lựa chọn một hình thức, mức hạng khen thưởng tương ứng với thời gian giữ chức vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc tại bộ, ban, ngành, địa phương để đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến. Chức vụ ghi trong quyết định khen thưởng được xác định theo hình thức khen thưởng lựa chọn.

Cấp quản lý tổ chức, cán bộ, quỹ lương có trách nhiệm đề nghị khen thưởng theo quy định.

e) Những trường hợp đã được khen thưởng quá trình cống hiến, không thực hiện điều chỉnh khen thưởng theo quy định mới về chức danh tương đương. Những trường hợp chưa được khen thưởng quá trình cống hiến, đối chiếu với quy định nếu đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì đề nghị xét khen thưởng quá trình cống hiến.

3. Điều kiện áp dụng khen thưởng:

a) Không khen thưởng đối với các trường hợp: Bị khai trừ ra khỏi Đảng; bị buộc thôi việc; bị tước danh hiệu quân nhân, công an nhân dân, quân hàm sĩ quan hoặc quân hàm chuyên nghiệp; bị kỷ luật được cấp có thẩm quyền cho nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc có vi phạm, khuyết điểm nghiêm trọng được cấp có thẩm quyền cho nghỉ hưu, nghỉ công tác. Đối với cá nhân đã bị kỷ luật khai trừ Đảng, sau đó đã sửa chữa khuyết điểm, phấn đấu và được kết nạp lại vào Đảng, nếu đạt tiêu chuẩn theo quy định thì được xét khen thưởng.

b) Hạ một mức khen đối với các trường hợp: Bị kỷ luật lưu Đảng; bị khai trừ ra khỏi Đảng sau đó được kết nạp lại; bị cách chức, giáng chức, giáng cấp bậc quân hàm, hạ bậc lương, cảnh cáo. Hình thức kỷ luật chỉ xem xét một lần đối với một hình thức khen thưởng quá trình cống hiến (lần xét khen sau không căn cứ vào hình thức kỷ luật đã xét khen thưởng lần trước).

Điều 8. Quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình cống hiến

1. Chức danh Bộ trưởng và tương đương:

a) Ủy viên Trung ương Đảng chính thức.

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

Phó Trưởng ban đảng ở Trung ương, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng (là Ủy viên Trung ương Đảng).

Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tổng Thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội), Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy.

Phó Bí thư Đảng ủy của 4 đảng bộ trực thuộc trung ương (các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương) (là Ủy viên Trung ương Đảng).

Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (là Ủy viên Trung ương Đảng). Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

b) Các chức danh tương đương Bộ trưởng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, gồm: Trưởng ban Công tác đại biểu, Trưởng Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bí thư đảng ủy khối trực thuộc trung ương; Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Chức danh Thứ trưởng và tương đương:

a) Phó trưởng ban, cơ quan đảng ở Trung ương (không là Ủy viên Trung ương Đảng).

Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam).

Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Phó Bí thư chuyên trách của 4 đảng bộ trực thuộc trung ương (các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương).

Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, gồm: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Hội Nhà báo Việt Nam; Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; Hội Luật gia Việt Nam; Liên đoàn Luật sư Việt Nam; Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Trợ lý các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước. Trợ lý các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Trợ lý các đồng chí: Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; trưởng ban, cơ quan đảng Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (không là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư).

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố.

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

b) Các chức danh Thứ trưởng và tương đương trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, gồm: Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Chức danh Cục trưởng cục loại 1 và tương đương:

a) Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội;

Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (không bao gồm các chức danh Chủ tịch thuộc diện Ban Bí thư quản lý).

Phó Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, gồm: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố.

Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân Dân, Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản.

Phó Bí thư chuyên trách của các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc trung ương (các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương).

Cục trưởng cục loại 1 thuộc ban, cơ quan đảng trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ.

Giám đốc Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp hạng đặc biệt.

b) Chức danh Tổng Cục trưởng và tương đương trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, gồm: Tổng Cục trưởng; Phó Trưởng Ban Công tác đại biểu, Phó Trưởng Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Phó Trưởng ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo ở trung ương, Ban Chỉ đạo do Thủ tướng, Phó Thủ tướng làm Trưởng Ban Chỉ đạo; Tổng Biên tập Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Giám đốc Truyền hình Quốc hội; Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Phó Chánh Văn phòng Ban Cán sự đảng Chính phủ, Phó Chánh Văn phòng Đảng đoàn Quốc hội và các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

c) Các chức danh Phó Tổng Cục trưởng và tương đương trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, gồm: Phó Tổng cục trưởng; Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Phó Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Ủy viên chuyên trách Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy khối trực thuộc trung ương; Phó Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia; Phó Tổng Biên tập Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Phó Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Phó Giám đốc Truyền hình Quốc hội; Phó Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ và các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

4. Chức danh Cục trưởng cục loại 2, Phó Cục trưởng cục loại 1, Vụ trưởng và tương đương:

a) Cục trưởng cục loại 2, Vụ trưởng, Viện trưởng, Chánh Văn phòng, trưởng cơ quan, đơn vị thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (được thành lập trong Nghị định hoặc Quy định).

Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

Thư ký các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước.

Chủ tịch Công đoàn ngành Trung ương.

Ủy viên Ban Chấp hành 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương).

Ủy viên Ban Thường vụ đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc trung ương (các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương).

Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc của các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc trung ương: Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ các cơ quan Đảng trung ương, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương.

Ủy viên Hội đồng Biên tập - Xuất bản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Cấp trưởng các đơn vị thuộc: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Phó Cục trưởng cục loại 1 thuộc ban, cơ quan đảng trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ.

Phó Giám đốc Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Cấp phó đơn vị sự nghiệp hạng đặc biệt.

Phó chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (không bao gồm các chức danh Phó Chủ tịch Hội mà Chủ tịch thuộc diện Ban Bí thư quản lý).

Tổng Thư ký Liên hiệp Hội ở Trung ương.

Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc của 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương).

Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương.

Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.

Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy. Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân,

Chánh Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

b) Các chức danh Vụ trưởng và tương đương trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, gồm: Trưởng ban và tương đương thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Ủy viên Hội đồng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Ủy viên ban chấp hành đảng bộ khối trực thuộc Trung ương; Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Vụ trưởng, Cục trưởng, trưởng cơ quan, đơn vị và tương đương thuộc Tổng cục và tương đương Tổng cục; Bí thư quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy; Trưởng ban, đơn vị các hội, quần chúng do đảng, nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Phó Chủ tịch các hội quần chúng do đảng, nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (đối với các tổ chức hội không có đảng đoàn) và các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

5. Chức danh Phó Cục trưởng cục loại 2, Phó Vụ trưởng và tương đương:

a) Phó Cục trưởng cục loại 2, Phó Vụ trưởng, Phó Viện trưởng, Phó Chánh Văn phòng, cấp phó cơ quan, đơn vị thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (được thành lập trong Nghị định hoặc Quy định).

Ủy viên Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

Thư ký các đồng chí: Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy.

Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Trung ương.

Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương).

Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc của các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương: Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ các cơ quan Đảng trung ương, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương.

Cấp trưởng cơ quan khu vực thuộc cục thuộc bộ.

Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cơ quan trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương).

Cấp phó các đơn vị thuộc: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Cấp trưởng ban, đơn vị các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, gồm: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Phó Tổng thư ký Liên hiệp Hội ở Trung ương.

Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy. Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Phó Bí thư đảng ủy chuyên trách đảng bộ cơ quan đảng, đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (không là ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố).

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu.

Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh.

b) Các chức danh Phó Vụ trưởng và tương đương trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, gồm: Phó Cục trưởng, Phó Trưởng ban và tương đương thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Thư ký các đồng chí Bí thư đảng ủy trực thuộc trung ương; Phó Vụ trưởng, Phó Trưởng các cơ quan, đơn vị và tương đương của các cơ quan thuộc Chính phủ; Phó Bí thư quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương; Phó Vụ trưởng, Phó Trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tổng cục và tương đương tổng cục; Phó Trưởng ban, đơn vị các hội quần chúng có đảng đoàn do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Trưởng các hội cấp tỉnh được giao biên chế và

các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

6. Chức danh tương đương huyện ủy viên trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 gồm: Trưởng ban, ngành cấp huyện; huyện đội phó; Phó Bí thư, Phó Chủ tịch các đoàn thể cấp tỉnh; Ủy viên ban của tỉnh, Ủy viên tỉnh đội, Ủy viên an ninh của tỉnh.

7. Đối với Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang; đồng bộ, thống nhất với chức danh, chức vụ lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

Điều 9. “Huân chương Sao vàng”

“Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Thi đua, khen thưởng, có nhiều công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Bí thư Trung ương Cục, Thường vụ Xứ ủy, Bí thư Khu ủy, Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Có quá trình tham gia liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân trước ngày 30 tháng 4 năm 1975.

4. Có quá trình công tác liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư, 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm.

Điều 10. “Huân chương Hồ Chí Minh”

“Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Luật Thi đua, khen thưởng, có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương hoặc được phong quân hàm Trung tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Xứ ủy viên, Khu ủy viên, Bộ trưởng hoặc chức vụ tương đương hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Có quá trình tham gia liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc chức vụ tương đương 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

4. Có quá trình công tác liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Tổng Bí thư; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư, 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm.

Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng ban đảng ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội liên tục 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 10 năm trở lên.

Điều 11. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất

“Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc trong lực lượng vũ trang nhân dân và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương; Trung tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Bộ trưởng hoặc chức vụ tương đương; Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm; Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng ban đảng ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm; Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

Bộ trưởng và tương đương từ 13 năm trở lên; Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 10 năm trở lên.

Điều 12. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì

“Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc trong lực lượng vũ trang nhân dân và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm.

2. Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Bộ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm.

Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm.

3. Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bộ trưởng và tương đương từ 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm; Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 05 năm trở lên; Thứ trưởng và tương đương từ 13 năm trở lên.

Điều 13. “Huân chương Độc lập” hạng Ba

“Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc trong lực lượng vũ trang nhân dân và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Cục trưởng, Vụ trưởng, Tỉnh ủy viên, Thành ủy viên, Trưởng ban, ngành cấp tỉnh hoặc chức vụ tương đương.

2. Được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa và đã giữ một trong các chức vụ: Cục trưởng, Vụ trưởng, Tỉnh ủy viên, Thành ủy viên, Trưởng ban, ngành cấp tỉnh hoặc chức vụ tương đương.

Cá nhân hoạt động liên tục ít nhất 10 năm ở chiến trường miền Nam, đã đảm nhiệm chức vụ Huyện ủy viên hoặc chức vụ tương đương trước ngày 30 tháng 4 năm 1975.

3. Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm.

4. Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bộ trưởng và tương đương 01 nhiệm kỳ, từ 03 đến 05 năm; Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân; Thứ trưởng và tương đương 02 nhiệm kỳ, từ 08 đến 10 năm.

Điều 14. “Huân chương Quân công” hạng Nhất

“Huân chương Quân công” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bộ trưởng, Thứ trưởng, Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị hoặc chức danh tương đương; Đại tướng, Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 05 năm trở lên.

Điều 15. “Huân chương Quân công” hạng Nhì

“Huân chương Quân công” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Tổng tham mưu trưởng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tư lệnh Quân khu hoặc chức danh tương đương từ 05 năm trở lên; Cục trưởng và tương đương là Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương từ 05 năm trở lên.

Điều 16. “Huân chương Quân công” hạng Ba

“Huân chương Quân công” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tư lệnh Binh chủng hoặc chức danh tương đương từ 05 năm trở lên; Cục trưởng và tương đương trực thuộc Bộ Công an (trừ trường hợp cá nhân giữ chức vụ Cục trưởng và tương đương là Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương), Giám đốc Công an thành phố Hà Nội, Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh từ 05 năm trở lên.

Điều 17. “Huân chương Lao động” hạng Nhất

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 42 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Được công nhận là cán bộ tiên khởi nghĩa và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng, Phó Trưởng ban, ngành cấp tỉnh hoặc chức vụ tương đương;

b) Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

Vụ trưởng, Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ 10 năm trở lên;

c) Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Bộ trưởng và tương đương;

Thứ trưởng và tương đương từ 05 năm trở lên;

Cục trưởng cục loại 1 và tương đương từ 10 năm trở lên.

Phó Cục trưởng cục loại 1, Cục trưởng loại 2, Vụ trưởng và tương đương từ 15 năm trở lên.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Luật Thi đua, khen thưởng, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ hoặc lĩnh vực khác, đạt được thành tích giải Nhất thể giới hoặc Huy chương Vàng của thể giới.

Điều 18. “Huân chương Lao động” hạng Nhì

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 43 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Vụ trưởng, Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ 06 năm đến dưới 10 năm.

Giám đốc sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương từ 10 năm trở lên;

b) Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Thứ trưởng và tương đương từ 03 đến dưới 05 năm;

Cục trưởng cục loại 1 và tương đương từ 08 đến dưới 10 năm.

Phó Cục trưởng cục loại 1, Cục trưởng loại 2, Vụ trưởng và tương đương từ 10 năm đến dưới 15 năm;

Phó Cục trưởng cục loại 2, Phó vụ trưởng và tương đương từ 15 năm trở lên.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Thi đua, khen thưởng, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ hoặc lĩnh vực khác, đạt được thành tích Huy chương Bạc thế giới hoặc tương đương, Huy chương Vàng cấp châu lục hoặc tương đương.

Điều 19. “Huân chương Lao động” hạng Ba

1. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Vụ trưởng, Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 05 năm.

Giám đốc sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương từ 06 năm đến dưới 10 năm;

b) Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Cục trưởng cục loại 1 và tương đương từ 05 năm đến dưới 08 năm.

Phó Cục trưởng cục loại 1, Cục trưởng loại 2, Vụ trưởng và tương đương từ 06 năm đến dưới 10 năm;

Phó Cục trưởng cục loại 2, Phó Vụ trưởng và tương đương từ 10 năm đến dưới 15 năm.

2. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ hoặc lĩnh vực khác, đạt được thành tích Huy chương Đồng thể giới hoặc tương đương, Huy chương Bạc cấp châu lục hoặc tương đương.

Điều 20. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất

“Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 45 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Tư lệnh Binh chủng, Sư đoàn trưởng, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc chức danh tương đương từ 10 năm trở lên.

Điều 21. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì

“Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Sư đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Phó Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc chức danh tương đương từ 10 năm trở lên.

Điều 22. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba

“Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 47 Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 30 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Trung đoàn trưởng, Phó trung đoàn hoặc chức danh tương đương từ 10 năm trở lên.

Mục 3
HUÂN CHƯƠNG ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC,
HUÂN CHƯƠNG HỮU NGHỊ

Điều 23. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”

1. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ 05 năm đến dưới 10 năm, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ 10 năm trở lên hoặc có ít nhất 15 năm liên tục đảm nhiệm chức vụ cấp trưởng của các tổ chức thành viên trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cấp tỉnh trở lên.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này nếu đã được tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16; 20, 21, 22; khoản 1 các Điều 17, 18, 19 Nghị định này thì không xét tặng hoặc truy tặng “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”.

Điều 24. “Huân chương Hữu nghị”

1. Tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Hữu nghị” được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng khen thưởng gồm:

a) Cơ quan, tổ chức thuộc Nhà nước, Chính phủ nước ngoài tương đương cấp bộ, tỉnh, thành phố;

b) Tổ chức nước ngoài mà Việt Nam là thành viên hoặc có quan hệ đối tác;

c) Hội Hữu nghị với Việt Nam của các nước;

d) Hội Hữu nghị với Việt Nam cấp tỉnh, bang, thành phố của các nước có quan hệ đối tác đặc biệt, đối tác chiến lược hoặc đối tác toàn diện với Việt Nam;

đ) Cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam;

e) Văn phòng, Cơ quan đại diện thường trú của các tổ chức quốc tế, tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam;

- g) Tổ chức phi chính phủ nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam;
- h) Tổ chức nước ngoài khác không thuộc các đối tượng trên nhưng có thành tích đặc biệt xuất sắc và đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Thi đua, khen thưởng được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị;
- i) Cá nhân nước ngoài là người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này có thời gian đảm nhiệm chức vụ từ 05 năm liên tục trở lên hoặc có thời gian công tác tại Việt Nam ít nhất một nhiệm kỳ 03 năm;
- k) Trưởng các Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam của các nước có quan hệ đối tác đặc biệt, đối tác chiến lược hoặc đối tác toàn diện với Việt Nam có thời gian công tác tại Việt Nam ít nhất một nhiệm kỳ 03 năm;
- l) Cá nhân nước ngoài đã được tặng “Huy chương Hữu nghị” và 05 năm tiếp theo tiếp tục có những đóng góp tích cực vào việc xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác tốt đẹp và toàn diện với Việt Nam;
- m) Cá nhân nước ngoài không thuộc các đối tượng trên đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 53 Luật Thi đua, khen thưởng được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.

Mục 4

THẨM QUYỀN KHEN THƯỞNG; VIỆC ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG

Điều 25. Quy định việc thi đua, khen thưởng của các hội quần chúng có Đảng bộ thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương

Việc thi đua, khen thưởng của các hội quần chúng có Đảng bộ thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 89 Luật Thi đua, khen thưởng, được quy định như sau:

1. Người đứng đầu các hội quần chúng có Đảng bộ thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích; chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng.
2. Về thẩm quyền trong thi đua: Người đứng đầu các hội quần chúng có Đảng bộ thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi thuộc thẩm quyền nhiệm vụ được giao. Việc phát động phong trào thi đua bảo đảm gắn kết chặt chẽ với Chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và định hướng chung của Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương.

3. Về thẩm quyền khen thưởng:

a) Người đứng đầu các hội quần chúng có Đảng bộ thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương có thẩm quyền quyết định tặng bằng khen, cờ thi đua, chiến sĩ thi đua (trưng dương cấp bộ, ban, ngành, tỉnh); danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”; kỷ niệm chương;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc các hội quần chúng có Đảng bộ thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, giấy khen.

4. Về thẩm quyền đề nghị khen thưởng:

a) Người đứng đầu các hội quần chúng có Đảng bộ thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương xem xét, công nhận thành tích, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước. Trường hợp đề nghị các hình thức khen thưởng nêu trên đối với lãnh đạo Hội, tập thể Hội phải có ý kiến đồng ý của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

b) Người đứng đầu các hội quần chúng có Đảng bộ thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương xem xét, công nhận thành tích, đề nghị Chính phủ xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”. Trường hợp đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nêu trên đối với lãnh đạo Hội, tập thể Hội phải có ý kiến đồng ý của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 26. Thẩm quyền tặng Giấy khen của cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc bộ, ban, ngành

Thẩm quyền tặng giấy khen của cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 6 Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng, như sau:

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc bộ, ban, ngành có chức năng quản lý theo ngành dọc được tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích đóng góp cho cơ quan, đơn vị.

Điều 27. Việc ủy quyền quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

Việc ủy quyền quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” theo quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 79 Luật Thi đua, khen thưởng, được thực hiện như sau:

1. Nguyên tắc ủy quyền:

Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, bảo đảm đúng thẩm quyền, quy trình theo quy định của pháp luật, xác định rõ phạm vi, đối tượng và nguồn lực thực hiện; gắn với trách nhiệm của người ủy quyền và người được ủy quyền, có sự kiểm tra, giám sát; không làm giảm ý nghĩa, giá trị của danh hiệu.

2. Phạm vi ủy quyền:

a) Người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc”.

3. Người ủy quyền chịu trách nhiệm về việc ủy quyền và kết quả thực hiện; người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước người ủy quyền và trước pháp luật về quyết định của mình; người được ủy quyền không được ủy quyền lại.

Chương III

QUY ĐỊNH TỶ LỆ SỐ NĂM HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG ĐỂ XÉT KHEN THƯỞNG; QUY ĐỊNH VIỆC XÁC ĐỊNH TƯƠNG ĐƯƠNG HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA ĐẢNG VỚI DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 28. Quy định tỷ lệ số năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tổ chức đảng để xét khen thưởng

Tỷ lệ số năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tổ chức đảng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 89 Luật Thi đua, khen thưởng, được quy định như sau:

Tổ chức đảng liên tục được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian tính thành tích khen thưởng phải có ít nhất 50% số năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc được đánh giá trong sạch, vững mạnh khi xét khen thưởng cho tập thể theo quy định tại điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 34; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 35; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 36; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 37; khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 38; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 39; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 40; khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 41; khoản 2 Điều 45; khoản 2 Điều 46; khoản 2 Điều 47; điểm d khoản 2 Điều 62; điểm d khoản 2 Điều 63 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 29. Xác định tương đương hình thức khen thưởng của Đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên

Việc xác định tương đương hình thức khen thưởng của Đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tương ứng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 89 Luật Thi đua, khen thưởng, được quy định như sau:

1. Trường hợp tập thể có tổ chức đảng được tặng Cờ, Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương (khen thưởng theo định kỳ 05 năm) thì được tính tương đương với cờ thi đua, Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (khen thưởng thành tích công trạng) để xét khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.

Trong 01 năm tập thể có tổ chức đảng vừa được tặng Cờ, Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương (khen thưởng theo định kỳ 05 năm) vừa được tặng cờ thi đua, Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (khen thưởng thành tích công trạng) thì được tính cả 02 để xét khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.

2. Trường hợp cá nhân là đảng viên được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương (khen thưởng theo định kỳ 05 năm) thì được tính tương đương với Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (khen thưởng thành tích công trạng) để xét khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.

Trong 01 năm cá nhân là đảng viên vừa được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương (khen thưởng theo định kỳ 05 năm) vừa được tặng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (khen thưởng thành tích công trạng) thì được tính cả 02 để xét khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.

3. Trường hợp tập thể có tổ chức đảng được tặng Cờ, Bằng khen của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương (khen thưởng theo định kỳ 05 năm) thì được tính tương đương với Cờ thi đua, Bằng khen của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (khen thưởng thành tích công trạng) để xét khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.

Trong 01 năm tập thể có tổ chức đảng vừa được tặng Cờ, Bằng khen của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương (khen thưởng theo định kỳ 05 năm) vừa được tặng Cờ thi đua, Bằng khen của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (khen thưởng thành tích công trạng) thì được tính cả 02 để xét khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.

4. Trường hợp cá nhân là đảng viên được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương (khen thưởng theo định kỳ 05 năm) thì được tính tương đương với Bằng khen của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (khen thưởng thành tích công trạng) để xét khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.

Trong 01 năm cá nhân là đảng viên vừa được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương (khen thưởng theo định kỳ 05 năm) vừa được tặng Bằng khen của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (khen thưởng thành tích công trạng) thì được tính cả 02 để xét khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.

Chương IV

HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC; THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; CÔNG KHAI CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Mục 1

HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG ĐỐI VỚI CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 30. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng “Huân chương Sao vàng” do Bộ Chính trị xem xét, kết luận; đề nghị xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” do Ban Bí thư xem xét, kết luận.

Đối với cá nhân thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (kể cả cán bộ đã nghỉ hưu, từ trần) công tác ở các cơ quan, đoàn thể trung ương hoặc địa phương, căn cứ hồ sơ đảng viên (hoặc hồ sơ quản lý cán bộ nếu không là đảng viên) về quá trình công tác và thành tích đạt được, cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thành ủy hoặc Vụ (phòng, ban) Tổ chức cán bộ của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương lập hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, báo cáo cấp ủy xem xét, xác nhận quá trình công tác, các hình thức khen thưởng và kỷ luật (nếu có); trên cơ sở đó, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, lãnh đạo các ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi trình Thủ tướng Chính phủ:

- a) Khen thưởng đối với cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý;
- b) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (các hạng), “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, người đứng đầu các hội quân chúng có Đảng bộ thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đánh giá thành tích, xác nhận thành tích, thủ tục và nội dung hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Hồ sơ, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ưu tiên áp dụng chuyển đổi số, giải quyết trên môi trường điện tử, kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu đối với việc giải quyết hồ sơ, thẩm định, thông báo kết quả khen thưởng.

4. Cá nhân đã nghỉ hưu, nay cơ quan, đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trường hợp cá nhân đã nghỉ hưu, nay cơ quan, đơn vị đã kết thúc hoạt động và không có cơ quan, đơn vị khác tiếp nhận nhiệm vụ hoặc không xác định được cơ quan, đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ thì việc khen thưởng quá trình cống hiến do cơ quan quản lý hồ sơ cán bộ xem xét, lập hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

5. Khi họp xét danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải tiến hành bỏ phiếu.

Đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng danh hiệu “Tỉnh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

Kết quả và tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng theo quy định phải được thể hiện trong Biên bản bình xét thi đua, Biên bản xét khen thưởng.

6. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính từ sau thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian đề nghị khen thưởng lần sau được tính từ thời điểm ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Đối với cá nhân, thời gian có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị khen thưởng là thời gian tính từ khi được khen thưởng lần trước đến thời điểm đề nghị khen thưởng (của lần tiếp theo) phải liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đối với tập thể, trong thời gian từ khi được khen thưởng lần trước đến thời điểm đề nghị khen thưởng (của lần tiếp theo) phải có liên tục từ 05 năm trở lên, 10 năm trở lên, 15 năm trở lên, 25 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc lập được thành tích xuất sắc hoặc đặc biệt xuất sắc; các năm còn lại phải được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

7. Đối với tập thể, cá nhân (ngư dân, đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, người yếu thế, khuyết tật) có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác; cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

8. Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng theo quy định và thể hiện theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Nội dung thành tích trong báo cáo của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước tính đến thời điểm bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ không quá 06 tháng (trừ khen thưởng thành tích kháng chiến), quá thời hạn trên, Bộ Nội vụ không nhận hồ sơ trình khen thưởng.

9. Hồ sơ đề nghị tặng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” trình Thủ tướng Chính phủ gửi qua Bộ Nội vụ. Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị khen thưởng.

10. Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh, Tờ trình của Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ xét, quyết định khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình phải thể hiện rõ căn cứ pháp lý; nội dung, hình thức, thành tích đề nghị khen thưởng; Ý kiến của cơ quan, địa phương liên quan về nội dung xin ý kiến đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng (nếu có); Ý kiến thẩm định của bộ, ban, ngành, tỉnh, ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ về các trường hợp đề nghị khen thưởng đã đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Các nội dung chi tiết của Tờ trình đề nghị khen thưởng thực hiện theo Mẫu số 01a, 1b của Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

11. Khi trình Thủ tướng Chính phủ thì bộ, ban, ngành, tỉnh gửi 01 bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng; đồng thời gửi các tệp tin điện tử đến Bộ Nội vụ qua Hệ thống phần mềm điện tử, trừ nội dung bí mật nhà nước. Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể phần mềm điện tử tiếp nhận hồ sơ khen thưởng. Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Bộ Nội vụ nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

Bộ Nội vụ gửi Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và hồ sơ khen thưởng dưới dạng tệp tin điện tử (bao gồm các dự thảo văn bản trình Thủ tướng Chính phủ ký) đến Văn phòng Chính phủ.

12. Bộ Nội vụ tiếp nhận hồ sơ và thẩm định trên cơ sở các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ đề nghị khen thưởng do bộ, ban, ngành, tỉnh lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định về điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ khi đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân; nội dung, thể thức tại dự thảo Tờ trình Chủ tịch nước, dự thảo Quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 31. Quy định về lấy ý kiến để khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của cấp có thẩm quyền do bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng thực hiện theo quy định từ khoản 2 đến khoản 6 Điều này (trừ trường hợp khen thưởng theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định này).

2. Khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trung ương có tư cách pháp nhân thuộc cấp quản lý trực tiếp của bộ, ban, ngành đóng trên địa bàn địa phương, phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung:

a) Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết quả hoạt động của tổ chức đảng (nếu tổ chức đảng sinh hoạt tại địa phương);

b) Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân; bảo đảm môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh).

3. Khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh, thành phố và cá nhân là cấp trưởng của đơn vị cùng cấp phải lấy ý kiến của bộ, ban, ngành có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung: Kết quả tham mưu thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với tập thể); kết quả lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với cá nhân) trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

4. Khen thưởng đối ngoại phải xin ý kiến của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao.

5. Khen thưởng đối với tập thể là bộ, ban, ngành, tỉnh phải xin ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ.

6. Khen thưởng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân là người đại diện pháp luật của tổ chức kinh tế phải xin ý kiến Bộ Công an về chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Đối với tổ chức kinh tế, cá nhân là người đại diện pháp luật của tổ chức kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm về chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước khi đề nghị khen thưởng.

7. Bộ Nội vụ thực hiện việc xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban của Đảng ở trung ương (quản lý về lĩnh vực) về việc khen thưởng đối với cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

8. Khi nhận được văn bản xin ý kiến về việc khen thưởng của bộ, ban, ngành tỉnh hoặc Bộ Nội vụ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện hoặc theo ngày nhận được văn bản điện tử), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời gian quy định. Thủ trưởng cơ quan được xin ý kiến khen thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian trả lời văn bản và nội dung được xin ý kiến.

9. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến thống nhất hoặc đồng ý của cơ quan chức năng, bộ, ban, ngành, tỉnh, Bộ Nội vụ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Điều 32. Quy định thời gian nhận hồ sơ, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

1. Thời gian Bộ Nội vụ nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng như sau:

a) Hồ sơ bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 của năm liền kề với năm có quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Hồ sơ bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với hệ thống giáo dục quốc dân có thời điểm đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân theo năm học, hồ sơ trình chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Thời gian trình hồ sơ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, Huân chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” cho tập thể có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

2. Thời gian Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Việc xem xét hồ sơ đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 Nghị định này và Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

3. Thời gian thẩm định đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng cấp Nhà nước tại bộ, ban, ngành, tỉnh:

Việc đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng cấp Nhà nước, trong thời hạn 30 ngày làm việc (40 ngày làm việc đối với các hình thức khen thưởng: “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Hồ Chí Minh”,

“Huân chương Sao vàng”; danh hiệu Anh hùng, danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng:

a) Trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ khen thưởng theo quy định, Bộ Nội vụ thực hiện trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc, Bộ Nội vụ thông báo bằng văn bản trả lại hồ sơ cho bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng; văn bản thông báo phải nêu rõ căn cứ pháp lý trả lại hồ sơ khen thưởng.

Trường hợp kết quả thẩm định của Bộ Nội vụ khác với đề nghị của bộ, ban, ngành tỉnh về hình thức khen thưởng, mức hạng khen thưởng, loại hình khen thưởng thì Bộ Nội vụ phải thống nhất bằng văn bản với bộ, ban, ngành, tỉnh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Trường hợp Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định khen thưởng nhưng Thủ tướng Chính phủ không quyết định khen thưởng hoặc không đề nghị Chủ tịch nước quyết định khen thưởng hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng nhưng Chủ tịch nước không khen thưởng thì sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Văn phòng Chính phủ hoặc Văn phòng Chủ tịch nước về việc không khen thưởng, Bộ Nội vụ thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng đến bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc đối với các Quyết định khen thưởng có dưới 100 trường hợp và trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với các Quyết định khen thưởng có từ 100 trường hợp trở lên (không bao gồm thời gian đóng dấu bằng), Bộ Nội vụ cấp phát hiện vật khen thưởng, bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng có trách nhiệm đến nhận đồng bộ hiện vật khen thưởng và cấp phát cho các tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Điều 33. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ, báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;
- c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;
- d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này (nếu có).

3. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng.

Điều 34. Hồ sơ, thủ tục xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Chính phủ ủy quyền cho Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”. Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ, thủ tục, thành tích trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;
- c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;
- d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này (nếu có).

3. Việc đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức được thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

4. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng.

Điều 35. Hồ sơ, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại (trừ Huân chương Hữu nghị)

1. Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định.

2. Việc xét tặng hoặc truy tặng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh” thực hiện theo thông báo ý kiến của Bộ Chính trị về xét tặng thưởng Huân chương bậc cao.

3. Hồ sơ đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại, mỗi loại có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;
- c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;
- d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này (nếu có).

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cá nhân, tập thể người nước ngoài và cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài có 01 bộ (bản chính) gồm: Tờ trình của Bộ, ban, ngành, tỉnh; báo cáo tóm tắt thành tích cá nhân, tập thể do cơ quan trình khen thưởng thực hiện và văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

Điều 36. Thủ tục xét tặng hoặc truy tặng “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”

1. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” được xét tặng hoặc truy tặng hàng năm vào dịp Quốc khánh 02 tháng 9 và ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam ngày 18 tháng 11.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, đề xuất cá nhân đủ tiêu chuẩn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Bộ trưởng, Thủ trưởng ban, ngành, lãnh đạo cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội trình Thủ tướng Chính phủ.

Bộ, ban, ngành, tỉnh lấy ý kiến của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Điều 37. Hồ sơ, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng Huy chương các loại (trừ Huy chương Hữu nghị)

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Huy chương có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Bản danh sách trích ngang của các trường hợp đề nghị khen thưởng.

2. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng.

Điều 38. Hồ sơ, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”

1. Trên cơ sở đề nghị của bộ, ban, ngành, tỉnh, Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của cơ quan chức năng có liên quan, căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn và ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;
- c) Biên bản xét khen thưởng và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;
- d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này (nếu có).

3. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

Điều 39. Hồ sơ, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;
- c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh;
- d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cá nhân, tập thể người nước ngoài và cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài có 01 bộ (bản chính) gồm: Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh; báo cáo tóm tắt thành tích cá nhân, tập thể do cơ quan trình khen thưởng thực hiện và văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

Điều 40. Thủ tục đề nghị tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu, giải thưởng của Việt Nam đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; hồ sơ, thủ tục nhận Huân chương, Huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài và tổ chức quốc tế trao tặng

1. Thủ tục đề nghị tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu, giải thưởng của Việt Nam đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; thủ tục, hồ sơ nhận Huân chương, Huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài và tổ chức quốc tế trao tặng được thực hiện theo quy định của Đảng về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại và quy định tại Nghị định này.

Lấy ý kiến khen thưởng đối ngoại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định này.

2. Cá nhân, tổ chức Việt Nam khi nhận hình thức khen thưởng của cá nhân, tổ chức nước ngoài ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Thi đua, khen thưởng còn có trách nhiệm sử dụng hiện vật khen thưởng

đúng thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội Việt Nam, không dùng hình thức khen thưởng được tặng làm ảnh hưởng, tác động xấu đến chế độ chính trị, xã hội Việt Nam, tuyên truyền chống phá Nhà nước Việt Nam.

Điều 41. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng.

Khen thưởng theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền nhằm kịp thời động viên tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc tiêu biểu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng là khen thưởng theo chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước hoặc Người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp theo Mẫu 06, 07, 08, 11, 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định này (nếu có).

3. Người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể, hộ gia đình lập được thành tích xuất sắc đột xuất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng.

4. Thẩm định và trình khen thưởng:

a) Thời gian thẩm định và trình khen thưởng đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng theo quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng, được thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Nghị định này;

b) Thời gian thẩm định và trình khen thưởng đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng, Bộ Nội vụ thực hiện thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp cần lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định và việc khen thưởng danh hiệu Anh hùng).

5. Gửi hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Việc gửi hồ sơ khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Nghị định này;

b) Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

Mục 2

THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; CÔNG KHAI CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 42. Hồ sơ, thủ tục điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng cấp Nhà nước

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin có 01 bộ bản chính, gồm:

a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh đề nghị điều chỉnh thông tin;

b) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh đã trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình trước đây (nếu có);

c) Bằng gốc (nếu có); Bản sao y quyết định khen thưởng; Bản sao y Bản khai thành tích kháng chiến hoặc Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân, hộ gia đình.

2. Thủ tục đề nghị điều chỉnh thông tin:

a) Bước 1: Tập thể, cá nhân, hộ gia đình bị sai thông tin trong quyết định khen thưởng cấp Nhà nước có đơn hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin gửi bộ, ban, ngành, tỉnh nơi trình khen thưởng trước đây, kèm theo Bản sao y quyết định khen thưởng, Bằng gốc (nếu có).

Nội dung đơn hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin theo Mẫu số 01, 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bước 2: Bộ, ban, ngành, tỉnh trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị điều chỉnh thông tin của tập thể, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm rà soát, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ, kèm theo thành phần hồ sơ được quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này gửi 01 bộ bản giấy (bản chính) kèm theo các tệp tin điện tử của hồ sơ đến Bộ Nội vụ qua Hệ thống phần mềm điện tử, trừ nội dung bí mật nhà nước. Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể phần mềm điện tử tiếp nhận hồ sơ điều chỉnh thông tin.

Các nội dung chi tiết của Tờ trình và danh sách đề nghị điều chỉnh thông tin theo Mẫu số 03 và số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

c) Bước 3: Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả điều chỉnh thông tin được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định này.

3. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách và các tệp tin điện tử của hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 43. Công khai cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng

1. Bộ Nội vụ lấy ý kiến Nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ đối với danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” trong thời hạn 10 ngày làm việc (trừ trường hợp khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

2. Người có thẩm quyền đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng huân chương và danh hiệu vinh dự nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” có trách nhiệm công khai danh sách cá nhân, tập thể trên các phương tiện truyền thông thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh (Báo hoặc Cổng thông tin điện tử hoặc Đài phát thanh - truyền hình...) ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh (trừ trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản). Việc lấy ý kiến của Nhân dân trên phương tiện thông tin truyền thông và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh trước khi trình cấp trên khen thưởng và được nêu trong Biên bản xét khen thưởng của bộ, ban, ngành, tỉnh.

Chương V

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRUNG ƯƠNG

Điều 44. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng và Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng, có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 90 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ tướng Chính phủ;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Phó Chủ tịch nước là Phó Chủ tịch thứ nhất; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực Nội vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng; Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Phó Chủ tịch thường trực;

c) Các Ủy viên Hội đồng.

3. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương quyết định thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng, Thường trực Hội đồng, các Ủy viên Hội đồng, cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng; ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

4. Hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương:

a) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số, các ý kiến khác nhau của các Ủy viên Hội đồng về việc đề xuất các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng đều được báo cáo với Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng để xem xét, quyết định;

b) Hội đồng họp định kỳ 06 tháng một lần để đánh giá công tác của Hội đồng, tổng hợp tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng của cả nước, triển khai nhiệm vụ 06 tháng tiếp theo và cho ý kiến giải quyết những vấn đề cần thiết khác. Hội đồng có thể họp không thường lệ do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Chủ tịch Hội đồng chủ trì hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng chủ trì phiên họp.

Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự. Các trường họp được đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng phải đạt từ 90% trở lên số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng.

Thường trực Hội đồng họp thường kỳ 03 tháng một lần. Phó Chủ tịch thứ nhất và Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thường xuyên xem xét, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng; Thường trực Hội đồng có trách nhiệm tham mưu, cho ý kiến về việc tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; việc tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho các tập thể được quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng theo đề nghị của cơ quan thường trực giúp việc Hội đồng.

Các cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, tập thể đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng phải được các thành viên Thường trực Hội đồng đồng ý; trường hợp Thường trực Hội đồng không họp thì cho ý kiến bằng văn bản;

c) Thành lập, hướng dẫn tổ chức và hoạt động các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức;

d) Hội đồng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các phong trào thi đua ở các bộ, ban, ngành, tỉnh;

đ) Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các bộ, ban, ngành, tỉnh là quan hệ chỉ đạo, phối hợp. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

5. Bộ Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Chương VI

TRAO TẶNG, ĐÓN NHẬN

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 45. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, được công bố, trao tặng và đón nhận theo quy định tại Nghị định này gồm:

a) Huân chương: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Quân công”, “Huân chương Lao động”, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc”, “Huân chương Chiến công”, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”, “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”;

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: “Tỉnh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”; “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”; “Anh hùng Lao động”; “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”;

c) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;

d) Huy chương: “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”, “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”, “Huy chương Hữu nghị”; “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”;

đ) “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”;

e) “Cờ thi đua của Chính phủ”;

g) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Việc trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bộ, ban, ngành, tỉnh; danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 46. Yêu cầu của việc trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc tổ chức lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải mang ý nghĩa tôn vinh tập thể và cá nhân, giáo dục truyền thống yêu nước, lý tưởng cách mạng; gắn với các phong trào thi đua yêu nước và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương và đất nước; bảo đảm an toàn, trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức; không trao tặng, đón nhận nhiều cấp, nhiều lần cho một danh hiệu thi đua hoặc một hình thức khen thưởng.

2. Thực hiện nếp sống văn minh, bảo tồn giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc trong lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

3. Không tổ chức riêng lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Chỉ được tổ chức kết hợp trong lễ kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống của bộ, ban, ngành, địa phương, đơn vị, hội nghị tổng kết theo chương trình cụ thể và thực hiện đúng quy định tại Nghị định này (trừ trường hợp trao tặng hình thức khen thưởng đối với thành tích xuất sắc đột xuất, khen thưởng thành tích kháng chiến và danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”).

4. Đại diện lãnh đạo tập thể, hộ gia đình được khen thưởng trực tiếp đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tập thể, hộ gia đình. Cá nhân được khen thưởng trực tiếp đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Trường hợp truy tặng, đại diện gia đình của người được truy tặng nhận thay.

5. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng từ thứ bậc cao đến thứ bậc thấp. Trường hợp cùng một hình thức khen thưởng thì trao tặng cho tập thể, hộ gia đình trước, cá nhân sau; trao tặng trước, truy tặng sau. Trường hợp danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do cùng một cấp quyết định khen thưởng thì trao tặng danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; trao tặng cho tập thể trước, hộ gia đình, cá nhân sau; trao tặng trước, truy tặng sau.

6. Trong khi công bố, trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, người không có trách nhiệm không tặng hoa, quay phim, chụp ảnh trên lễ đài. Không tổ chức diễu hành hoặc đón rước danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được trao tặng.

Điều 47. Nghi thức công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Người điều hành buổi lễ là đại diện lãnh đạo của bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị tổ chức buổi lễ. Đơn vị chủ trì lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải xây dựng kịch bản lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Công bố quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Đại diện lãnh đạo của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng hoặc của đơn vị tổ chức buổi lễ công bố toàn văn quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

b) Công bố Quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước: Trước khi công bố, người công bố mời Đại sứ truyền thống (nếu có), đại diện cấp ủy, lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội (hoặc đại diện các thế hệ lãnh đạo của tập thể được khen thưởng) hoặc cá nhân được khen thưởng lên lễ đài để nghe công bố quyết định khen thưởng;

c) Công bố Quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Công bố xong, người công bố mời đại diện lãnh đạo của tập thể hoặc cá nhân có tên trong quyết định khen thưởng lên lễ đài để đón nhận danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng.

3. Trao danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Người trao danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là người có thẩm quyền quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc người được người có thẩm quyền quyết định khen thưởng ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đại diện các lãnh đạo cấp trên tham dự buổi lễ; người trao đứng ở vị trí trung tâm của lễ đài;

b) Trao theo thứ tự: Gắn Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu) trước; sau đó trao Bằng và trao Cờ Anh hùng (đối với tập thể được đón nhận danh hiệu Anh hùng);

c) Đối với tập thể có Cờ truyền thống: Người trao gắn Huân chương (hoặc Huy hiệu kèm theo danh hiệu) lên góc cao mặt phải Cờ truyền thống. Vị trí gắn Huân chương (hoặc Huy hiệu kèm theo danh hiệu) trên Cờ truyền thống được thực hiện theo thứ hạng từ cao xuống thấp;

Đối với tập thể không có Cờ truyền thống: Người trao trao Bằng đã gắn sẵn Huân chương (hoặc Huy hiệu kèm theo danh hiệu);

d) Trao tặng cho cá nhân: Người trao gắn Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu) lên phía trái ngực áo người đón nhận, sau đó trao Bằng;

đ) Truy tặng: Người trao Bằng đã gắn sẵn Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu) cho đại diện gia đình cá nhân được truy tặng;

e) Việc trao danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong một số trường hợp đặc biệt như cá nhân là người cao tuổi sức khỏe yếu, người khuyết tật hoặc quyết định khen thưởng cho nhiều đối tượng, cơ quan chủ trì lễ trao tặng xin ý kiến của người có thẩm quyền trao tặng hoặc được ủy quyền trao tặng hoặc đại diện lãnh đạo cấp trên tham dự buổi lễ quyết định.

4. Đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Đón nhận các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước: Người đón nhận khen thưởng đứng nghiêm theo hàng ngang tại vị trí trung tâm trên lễ đài nghe công bố quyết định khen thưởng;

b) Đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Người đón nhận khen thưởng được mời lên vị trí trung tâm của lễ đài để đón nhận;

c) Khi đón nhận Bằng (hoặc Cờ), người đón nhận khen thưởng nâng Bằng hoặc Cờ cao ngang ngực, giữ nguyên tư thế cho đến khi rời khỏi lễ đài;

d) Trong trường hợp cần thiết, đại diện tập thể (hoặc cá nhân, hộ gia đình) được khen thưởng phát biểu ý kiến sau khi đón nhận khen thưởng.

5. Người phục vụ nghi thức trao:

a) Không quay lưng về phía người dự; đứng phía sau, bên phải (tay thuận) người trao khi đưa Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu, Bằng, Cờ) cho người trao;

b) Đặt Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu, Bằng) trong khay phủ vải đỏ; Bằng phải được lồng trong khung; bung khay, đưa Huân chương, Bằng, Cờ bằng hai tay cho người trao.

Điều 48. Trao tặng các hình thức khen thưởng cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam

Việc tổ chức trao tặng các hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định này và các quy định sau:

1. Tổ chức trao tặng ở trong nước do cơ quan trình khen thưởng chủ trì thực hiện.

2. Tổ chức trao tặng ở ngoài nước do người đứng đầu Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được ủy quyền trao tặng chủ trì thực hiện theo đề nghị bằng văn bản của cơ quan trình khen thưởng. Cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm chuyển quyết định, hiện vật khen thưởng và phối hợp với Cơ quan đại diện ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để tổ chức trao tặng bảo đảm trang trọng và phù hợp với điều kiện thực tế.

Chương VII **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Mục 1 **THÀNH LẬP, QUẢN LÝ** **VÀ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 49. Thành lập quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của các bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Kiểm toán nhà nước được hình thành:

a) Từ nguồn ngân sách nhà nước với mức tối đa 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm;

b) Từ nguồn huy động đóng góp của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý); cá nhân ở trong nước; cá nhân, tổ chức nước ngoài;

c) Từ các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật;

d) Từ nguồn ngân sách nhà nước để chi cho công tác xét tặng các danh hiệu vinh dự Nhà nước và “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, giao về các bộ, ngành chủ trì công tác tổ chức xét tặng theo các đợt.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, các ban, ngành, đoàn thể trung ương tự bảo đảm dưới 70% chi thường xuyên được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài; Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, các ban, ngành, đoàn thể trung ương tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh, thành phố và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên hoặc bảo đảm một phần chi thường xuyên, được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh đồng bằng, thành phố và mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh miền núi, trung du, Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa, khu vực hải đảo và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước (căn cứ tính chất hoạt động của từng tổ chức, Bộ Tài chính thống nhất tỷ lệ cấp hàng năm) và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc bảo đảm chi một phần và chi đầu tư do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

6. Các doanh nghiệp nhà nước được sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; pháp luật về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước để chi cho nội dung thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

7. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 6 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

8. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề cá, nghề muối và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

9. Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ sở giáo dục tự thực và dân lập được tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

Điều 50. Quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do Thủ trưởng cơ quan cấp đó quyết định và giao cho cơ quan quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện. Đối với cấp tỉnh, nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng do cơ quan được giao tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh phối hợp với cơ quan tài chính cấp tỉnh quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định. Đối với các đơn vị thực hiện chính quyền đô thị, dự toán và quyết toán quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định về đơn vị dự toán ngân sách.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng:

a) Chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho thành tích đạt được trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng; chi in, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai, chỉ đạo sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến, học tập, trao đổi kinh nghiệm về thi đua, khen thưởng; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng. Mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Chi tổ chức hoạt động xét tặng các danh hiệu vinh dự nhà nước và “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, kinh phí được hạch toán độc lập ở mỗi đợt tổ chức xét tặng. Mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Bộ Nội vụ chi các khoản kinh phí để in ấn và mua sắm hiện vật khen thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm để cấp phát kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng.

4. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng ngoài việc được tặng các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”; tặng hoặc truy tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng còn được thưởng tiền hoặc tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương theo quy định tại các Điều 53, 54, 55, 56, 57 và Điều 58 Nghị định này.

5. Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam được khen thưởng được nhận hiện vật khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Giá trị tặng phẩm tương đương theo quy định tại các Điều 53, 54, 55, 56, 57 và Điều 58 Nghị định này.

6. Mức tiền thưởng đối với bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định bảo đảm cân đối với mức tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định tại Nghị định này.

Điều 51. Trách nhiệm chi tiền thưởng

1. Người ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi tiền thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Thi đua, khen thưởng và hạch toán chi theo quy định.

Cá nhân, tập thể, hộ gia đình được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì bộ, ban, ngành, tỉnh đề nghị khen thưởng có trách nhiệm chi thưởng từ ngân sách nhà nước của cấp mình và hạch toán chi thành mục riêng.

Bộ, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì công tác tổ chức xét tặng danh hiệu vinh dự nhà nước và “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” chịu trách nhiệm chi trả tiền thưởng cho cá nhân được khen thưởng và hạch toán chi thành mục riêng.

2. Bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện cân đối quỹ thi đua, khen thưởng để chi khen thưởng cho các đối tượng không thuộc quản lý của bộ, ban, ngành, tỉnh.

Mục 2 MỨC TIỀN THƯỞNG

Điều 52. Nguyên tắc tính tiền thưởng

1. Tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận danh hiệu thi đua, quyết định hình thức khen thưởng.

2. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

4. Trong cùng một hình thức khen thưởng, cùng một mức khen thưởng, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có thời gian được tính để đạt các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng.

Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có cùng thời gian được tính để đạt các danh hiệu thi đua đó thì được nhận tiền thưởng danh hiệu thi đua cao nhất.

6. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều hình thức khen thưởng, có thời gian, thành tích đạt được các hình thức khen thưởng đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các hình thức khen thưởng tương ứng.

7. Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa được tặng danh hiệu thi đua vừa được quyết định hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

8. Trong trường hợp thực hiện chính sách cải cách tiền lương, Chính phủ sẽ quy định quỹ thi đua khen thưởng và mức tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tặng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

Điều 53. Mức tiền thưởng danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được tặng bằng, khung, hộp đựng khung bằng, Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu và được thưởng 4,5 lần mức lương cơ sở;

b) Danh hiệu chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng bằng, khung và được thưởng 03 lần mức lương cơ sở;

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được tặng bằng, khung và được thưởng 01 lần mức lương cơ sở;

d) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

2. Đối với tập thể:

a) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được tặng Bằng chứng nhận, khung và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được thưởng 0,8 lần mức lương cơ sở;

c) Danh hiệu xã, phường, đặc khu tiêu biểu được tặng Bằng chứng nhận, khung và được thưởng 02 lần mức lương cơ sở;

d) Danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa được tặng Bằng chứng nhận, khung và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

đ) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được tặng cờ và được thưởng 12 lần mức lương cơ sở;

e) Danh hiệu cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng cờ và được thưởng 08 lần mức lương cơ sở;

g) Danh hiệu cờ thi đua của quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ; cờ thi đua của Đại học Quốc gia được tặng cờ và được thưởng 06 lần mức lương cơ sở.

Điều 54. Mức tiền thưởng Huân chương các loại

1. Cá nhân được tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại được tặng bằng, khung, hộp đựng khung bằng, Huân chương, hộp đựng Huân chương kèm theo mức tiền thưởng như sau:

- a) “Huân chương Sao vàng”: 46,0 lần mức lương cơ sở;
- b) “Huân chương Hồ Chí Minh”: 30,5 lần mức lương cơ sở;
- c) “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, “Huân chương Quân công” hạng Nhất: 15,0 lần mức lương cơ sở;
- d) “Huân chương Độc lập” hạng Nhì, “Huân chương Quân công” hạng Nhì: 12,5 lần mức lương cơ sở;
- đ) “Huân chương Độc lập” hạng Ba, “Huân chương Quân công” hạng Ba: 10,5 lần mức lương cơ sở;
- e) “Huân chương Lao động” hạng Nhất, “Huân chương Chiến công” hạng Nhất, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất”: 9,0 lần mức lương cơ sở;
- g) “Huân chương Lao động” hạng Nhì, “Huân chương Chiến công” hạng Nhì, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”: 7,5 lần mức lương cơ sở;
- h) “Huân chương Lao động” hạng Ba, “Huân chương Chiến công” hạng Ba, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba, “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”: 4,5 lần mức lương cơ sở.

2. Tập thể được tặng thưởng Huân chương các loại được tặng thưởng Bằng, khung, Huân chương, hộp đựng Huân chương kèm theo mức tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 55. Mức tiền thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước

1. Bà mẹ được tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” được tặng Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu, Bằng danh hiệu, khung, hộp đựng khung bằng và kèm theo mức tiền thưởng 15,5 lần mức lương cơ sở.

2. Cá nhân được tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” được tặng bằng, khung, Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu, hộp đựng khung bằng và kèm theo mức tiền thưởng 15,5 lần mức lương cơ sở.

Tập thể được tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” được tặng cờ, bằng, khung, Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu, hộp đựng khung bằng và kèm theo mức tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.

3. Cá nhân được tặng danh hiệu: “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” được tặng thưởng Huy hiệu, hộp đựng Huy hiệu, bằng, khung, hộp đựng khung bằng và mức tiền thưởng đối với danh hiệu “nhân dân” là: 12,5 lần mức lương cơ sở; danh hiệu “ưu tú” là 9,0 lần mức lương cơ sở.

Điều 56. Mức tiền thưởng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước”

1. “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về khoa học và công nghệ và “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học nghệ thuật được cấp Bằng, khung, hộp đựng khung bằng và tiền thưởng 270 lần mức lương cơ sở.

2. “Giải thưởng Nhà nước” về khoa học và công nghệ và “Giải thưởng Nhà nước” về văn học nghệ thuật được cấp Bằng, khung, hộp đựng khung bằng và tiền thưởng 170 lần mức lương cơ sở.

Điều 57. Mức tiền thưởng Bằng khen, Giấy khen, Kỷ niệm chương

1. Đối với cá nhân:

a) Cá nhân được tặng hoặc truy tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng bằng, khung, hộp đựng khung bằng và được thưởng 3,5 lần mức lương cơ sở;

b) Cá nhân được tặng hoặc truy tặng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng bằng, khung và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

c) Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tặng bằng, khung, Kỷ niệm chương, hộp đựng Kỷ niệm chương và kèm theo mức tiền thưởng không quá 0,8 lần mức lương cơ sở;

d) Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương của bộ, ban, ngành, tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương được tặng bằng, khung, Kỷ niệm chương, hộp đựng Kỷ niệm chương và kèm theo mức tiền thưởng không quá 0,6 lần mức lương cơ sở;

đ) Cá nhân được tặng Bằng khen của quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ; Bằng khen của Đại học Quốc gia được tặng bằng, khung và kèm theo mức tiền thưởng 01 lần mức lương cơ sở;

e) Cá nhân được tặng Giấy khen quy định tại các điểm a, b, c và điểm đ khoản 1 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng được tặng bằng, khung và kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

2. Đối với tập thể:

a) Tập thể được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng bằng, khung, hộp đựng khung bằng và được thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này

b) Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh được tặng bằng, khung và được thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Tập thể được tặng Bằng khen của quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ; Bằng khen của Đại học Quốc gia được tặng bằng, khung và được thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

d) Tập thể được tặng Giấy khen các cấp được tặng bằng, khung và kèm theo tiền thưởng gấp hai lần tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

3. Hộ gia đình được tặng các hình thức khen thưởng của các cấp được nhận bằng, khung, mức tiền thưởng bằng 1,5 lần mức tiền thưởng tương ứng với các hình thức khen thưởng tặng cho cá nhân và hộp đựng khung bằng (đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước).

Điều 58. Mức tiền thưởng Huy chương

Cá nhân được tặng hoặc truy tặng Huy chương được quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Thi đua, khen thưởng được tặng bằng, khung, hộp đựng khung bằng, Huy chương, hộp đựng Huy chương và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở.

Chương VIII

THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC; THỦ TỤC TƯỚC, PHỤC HỒI VÀ TRAO LẠI DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC; THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Điều 59. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Bộ Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo hồ sơ được quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 60. Hồ sơ, thủ tục tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước

1. Cá nhân, pháp nhân thương mại được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước có hành vi vi phạm thuộc các khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định việc tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

3. Cá nhân, pháp nhân thương mại bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước mà sau đó có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên không có tội, miễn trách nhiệm hình sự hoặc không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng thì được phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.

4. Hồ sơ đề nghị tước, đề nghị phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng trong đó nêu rõ nội dung hoặc giải trình lý do đề nghị và ý kiến của cấp có thẩm quyền.

5. Bộ Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Hồ sơ Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo hồ sơ được quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 61. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định: Tước danh hiệu vinh dự nhà nước, hủy bỏ quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, tập thể, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho bộ, ban, ngành, tỉnh nơi đã trình khen và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

2. Bộ, ban, ngành, tỉnh có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đã nhận đúng thời hạn và gửi về Bộ Nội vụ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

3. Bộ Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc bộ, ban, ngành, tỉnh, tổ chức thu hồi hiện vật khen thưởng đã nhận.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.
2. Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 63. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực, thì thực hiện thẩm định, trình và quyết định khen theo quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; trường hợp hồ sơ được thẩm định mà việc áp dụng quy định tại Nghị định này có lợi cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình thì áp dụng quy định của Nghị định này.

2. Việc khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

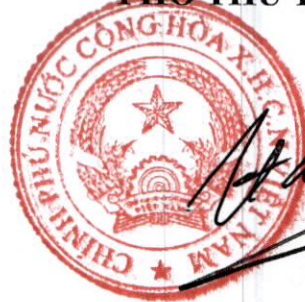
Điều 64. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2). 14

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà



Phụ lục I
MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG TRONG HỒ SƠ THỦ TỤC KHEN THƯỞNG
*(Kèm theo Nghị định số 368/2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)*

Stt	Mẫu	Nội dung
1	Mẫu số 01a, 01b	Tờ trình đề nghị khen thưởng
2	Mẫu số 02	Báo cáo thành tích đề nghị danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”
3	Mẫu số 03	Báo cáo thành tích đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”
4	Mẫu số 04	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng công trạng cho tập thể
5	Mẫu số 05	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng công trạng cho cá nhân
6	Mẫu số 06	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản
7	Mẫu số 07	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến
8	Mẫu số 08	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề, khen thưởng chuyên đề
9	Mẫu số 09	Báo cáo thành tích đề nghị Anh hùng cho tập thể
10	Mẫu số 10	Báo cáo thành tích đề nghị Anh hùng cho cá nhân
11	Mẫu số 11	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng đối ngoại cho tập thể
12	Mẫu số 12	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng đối ngoại cho cá nhân

Mẫu số 01a (áp dụng cho cấp có thẩm quyền trình khen thưởng)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc³

Số:/TTr-...²...

...⁴..., ngày ... tháng ... năm...

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị tặng (truy tặng)....⁵
(Khen thưởng ...⁶)

Kính gửi:

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ.....⁷ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....²

Căn cứ.....⁸ ;²kính trình

Xét tặng/truy tặng (danh hiệu ..⁵.....) cho.....tập thể/.....hộ gia đình/.... cá nhân.

Hoặc xét, tặng/truy tặng (hình thức khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁹) cho.. tập thể/... cá nhân.

Hoặc xét, trình Chủ tịch nước tặng/truy tặng (hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước¹⁰) cho..... tập thể/.....hộ gia đình/.... cá nhân.

Đã có thành tích.....

Các trường hợp đề nghị khen thưởng trên đã được¹ xét duyệt, thẩm định bảo đảm đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định hiện hành.

Các ý kiến của cơ quan liên quan như sau:

1.

2.

(Có danh sách và hồ sơ đề nghị khen thưởng kèm theo)

Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Ban TĐKT TW;
- Lưu: VT,¹¹...¹²

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

- ¹ Tên cơ quan, tổ chức trình khen
- ² Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.
- ³ Đối với các Ban đảng thực hiện theo thể thức văn bản của Đảng.
- ⁴ Địa danh.
- ⁵ Ghi rõ tên danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đề nghị. Lập riêng tờ trình theo thẩm quyền khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ hoặc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch nước.
- ⁶ Ghi rõ loại hình khen thưởng: công trạng, đột xuất, phong trào thi đua chuyên đề, chuyên đề, cống hiến, niên hạn, đối ngoại và nêu trình khen thưởng theo thủ tục đơn giản cần ghi rõ.
- Đối với các danh hiệu vinh dự Nhà nước trừ danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thực hiện theo mẫu Tờ trình tại các Nghị định của Chính phủ về từng ngành, lĩnh vực.
- ⁷ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị trình khen.
- ⁸ Ghi rõ căn cứ đề nghị khen thưởng (điểm, khoản, điều, tên văn bản).
- ⁹ Hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Chính phủ: Cờ thi đua của Chính phủ.
- ¹⁰ Hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước: Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.
- ¹¹ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- ¹² Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 01b (áp dụng đối với Bộ Nội vụ thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ)

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-BNV

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị tặng (truy tặng)....¹
(Khen thưởng ...²)**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày/...../2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ.....³ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ.....⁴; căn cứ hồ sơ đề nghị khen thưởng của⁵, Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ:

- Có trường hợp trình khen đã được Bộ Nội vụ thẩm định bảo đảm đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định hiện hành. Bộ Nội vụ kính trình Thủ tướng Chính phủ xét, tặng/truy tặng (danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁶) cho.. .tập thể/... cá nhân.

Hoặc xét, trình Chủ tịch nước tặng/truy tặng (hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước⁷) cho..... tập thể/.....hộ gia đình/....cá nhân.

Đã có thành tích.....

- Tạm để lại trường hợp lý do do

- Để lại trường hợp lý do

Các ý kiến của cơ quan liên quan như sau:

1.

2.

(Có danh sách và hồ sơ đề nghị khen thưởng kèm theo)

Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Ban TĐKT TW;
- Lưu: VT,⁸....⁹

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Ghi rõ tên danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đề nghị. Lập riêng tờ trình theo thẩm quyền khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ hoặc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch nước và loại hình khen thưởng.

² Ghi rõ loại hình khen thưởng: công trạng, đột xuất, phong trào thi đua chuyên đề, chuyên đề, cống hiến, niên hạn, đổi ngoại và nêu trình khen thưởng theo thủ tục đơn giản cần ghi rõ.

Đối với các danh hiệu vinh dự Nhà nước trừ danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thực hiện theo mẫu Tờ trình tại các Nghị định của Chính phủ về từng ngành, lĩnh vực.

³ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

⁴ Ghi rõ căn cứ đề nghị khen thưởng (điểm, khoản, điều, tên văn bản).

⁵ Ghi tên (bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố) trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

⁶ Hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Chính phủ: Cờ thi đua của Chính phủ.

⁷ Hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước: Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

⁸ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

⁹ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***¹Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...***BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG DANH HIỆU “CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ”****Tên tập thể đề nghị ²****I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

1. Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ trang tin điện tử.
2. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC³

1. Thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được giao:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể và đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành, báo cáo thành tích thể hiện bảo đảm tập thể đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định.

Nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về hiệu quả, năng suất, chất lượng, kết quả công tác so với kế hoạch được giao trong năm; việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với cơ quan, đơn vị.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị.

3. Kết quả đạt được khi tham gia cụm, khối thi đua (nếu đề nghị Cờ thi đua thành tích trong hoạt động cụm, khối thi đua hằng năm): Ghi rõ tên cụm, khối thi đua đơn vị tham gia; vai trò của đơn vị trong hoạt động cụm, khối thi đua và kết quả bình xét thi đua của cụm, khối thi đua mà đơn vị tham gia

4. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁴.

¹ Ghi rõ địa danh.

² Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, đậm, không viết tắt.

³ Báo cáo thành tích trong 01 năm đối với Cờ thi đua hằng năm, 05 năm đối với Cờ thi đua trong phong trào thi đua theo chuyên đề.

⁴ Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; hoạt động xã hội, từ thiện... Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh phải thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; bảo đảm môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

5. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể⁵.

III. KẾT QUẢ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ; DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁶

1. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể:

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc ngày, tháng, năm của văn bản xác nhận

2. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng (nếu tập thể có tổ chức đảng):

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc ngày, tháng, năm của văn bản xác nhận

3. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

4. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

⁵ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể).

⁶ Thống kê trong thời gian báo cáo thành tích.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

¹Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG DANH HIỆU “CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC”

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm:
- Giới tính: Dân tộc, tôn giáo;
- Số CCCD.
- Quê quán²:
- Nơi thường trú²:
- Cơ quan, địa phương công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có):
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân³:

Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong giai đoạn thành tích đề nghị khen thưởng, kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý; việc ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện... (nếu có).

Ghi rõ nội dung, hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến hoặc phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đối tượng tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (là chủ nhiệm, thư ký, thành viên chính); văn bản của người đứng đầu bộ, ban, ngành,

¹ Ghi rõ địa danh.

² Đơn vị hành chính: Xã (phường, đặc khu); tỉnh (thành phố).

³ Báo cáo thành tích liên tục 06 năm đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

tỉnh (ghi rõ số văn bản, ngày, tháng, năm) về công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng trong toàn quốc của sáng kiến; công nhận phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Văn bản của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Đối với người làm công tác lãnh đạo, quản lý: nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội, việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; bảo đảm môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm trong thời gian tính thành tích đề nghị tặng danh hiệu thi đua.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁴

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

⁴ Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh và 06 lần đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trước thời điểm đề nghị.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

¹Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG²
(Khen thưởng thành tích công trạng đối với tập thể)**

Tên tập thể đề nghị ³

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ trang tin điện tử:
2. Quá trình thành lập và phát triển:
3. Đặc điểm chính của tập thể (cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức đảng, đoàn thể; điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội...)
4. Chức năng, nhiệm vụ được giao, những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC⁴

1. Thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được giao:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể và đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành, báo cáo thành tích thể hiện bảo đảm tập thể đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định.

Tuỳ theo hình thức đề nghị khen thưởng, nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về hiệu quả, năng suất, chất lượng, kết quả công tác so với giai đoạn trước hoặc so sánh giữa các năm trong giai đoạn đề nghị khen thưởng; việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số áp dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với cơ quan, đơn vị, bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.⁵

¹ Ghi rõ địa danh.

² Ghi hình thức khen thưởng đề nghị xét tặng.

³ Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, đậm, không viết tắt.

⁴ Báo cáo thành tích liên tục từ 25 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng; liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công; liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

⁵ Tuỳ theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, có so sánh trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng, ví dụ:

- Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁶.

4. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể⁷.

III. KẾT QUẢ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ; DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁸

1. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể:

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc ngày, tháng, năm của văn bản xác nhận; cơ quan ban hành

2. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng (đối với tập thể có tổ chức đảng):

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc ngày, tháng, năm của văn bản xác nhận; cơ quan ban hành

3. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

- Đối với trường học: Báo cáo phải thể hiện rõ kết quả về công tác tổ chức và quản lý, quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế (đối với cơ sở đào tạo), có so sánh với giai đoạn trước khi khen thưởng.

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội ...).

⁶ Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước (đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh phải thể hiện rõ việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động, bảo đảm môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm...); chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; hoạt động xã hội, từ thiện...

⁷ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể);

⁸ Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể và kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tổ chức đảng (nếu tập thể có tổ chức đảng) trong thời gian thành tích đề nghị khen thưởng; các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng (bao gồm cả hình thức khen thưởng của Đảng nếu lấy làm tiêu chuẩn để đề nghị hình thức khen thưởng công trạng).

4. Hình thức khen thưởng:

Năm thành tích xét khen thưởng	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định	Loại hình khen thưởng, nội dung thành tích ghi trong quyết định khen thưởng

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC NHẬN,
ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc¹Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG²
(Khen thưởng thành tích công trạng đối với cá nhân)****I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH**

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm:Giới tính:Dân tộc, tôn giáo:
- Số CCCD (đối với cá nhân còn sống):
- Quê quán³:
- Nơi thường trú³:
- Cơ quan, địa phương công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có):
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân⁴:

Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong giai đoạn lập thành tích tương ứng với tiêu chuẩn của hình thức khen thưởng được đề nghị (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý; việc nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước (đối với cá nhân là người đứng đầu đơn vị sản xuất kinh doanh phải thể hiện rõ việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; bảo đảm môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm); công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện... (nếu có).

¹ Ghi rõ địa danh.² Ghi hình thức khen thưởng đề nghị xét tặng.³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, đặc khu); tỉnh (thành phố).⁴ Báo cáo thành tích liên tục trong khoảng thời gian lập thành tích là tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng (05 năm trở lên đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Huân chương ...).

- Đối với người làm công tác lãnh đạo, quản lý: nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

- Đối với trường học: Báo cáo phải thể hiện rõ kết quả về công tác tổ chức và quản lý, quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế (đối với cơ sở đào tạo), có so sánh với giai đoạn trước khi khen thưởng.

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội ...).

- Đối với các hội đoàn thể: lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác trọng tâm, các chương trình công tác của trung ương hội, đoàn thể giao.

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trong quản lý nhà nước; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương.

III. KẾT QUẢ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ; DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁵

1. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc ngày, tháng, năm của văn bản xác nhận; cơ quan ban hành

2. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đảng viên (nếu cá nhân là đảng viên):

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc ngày, tháng, năm của văn bản xác nhận; cơ quan ban hành

3. Danh hiệu thi đua:

Năm thành tích xét danh hiệu thi đua	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

⁵ Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân và kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với đảng viên (nếu cá nhân là đảng viên) trong thời gian thành tích đề nghị khen thưởng; các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng (bao gồm cả hình thức khen thưởng của Đảng nếu lấy làm tiêu chuẩn để đề nghị hình thức khen thưởng công trạng).

4. Hình thức khen thưởng:

Năm thành tích xét khen thưởng	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định	Loại hình khen thưởng, nội dung thành tích ghi trong quyết định khen thưởng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

¹Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÓM TẮT THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG).....²
(Khen thưởng theo thủ tục đơn giản)**

Tên tập thể hoặc cá nhân đề nghị khen thưởng³

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với tập thể ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; số CCCD (đối với cá nhân còn sống); nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn gọn nội dung: Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc được giải thưởng quốc tế của khu vực hoặc thế giới hoặc thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước hoặc khen thưởng thành tích xuất sắc tiêu biểu theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác của tập thể hoặc cá nhân (ngư dân, đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, người yếu thế, khuyết tật) hoặc cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện hoặc khen thưởng niên hạn hoặc thành tích có nội dung bí mật nhà nước.

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)**

**ĐƠN VỊ HOẶC CÁ NHÂN BÁO CÁO
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ⁴
(Ký, đóng dấu)**

¹ Địa danh.

² Ghi hình thức đề nghị khen thưởng (Bằng khen, Huân chương...).

³ Ghi rõ đầy đủ, không viết tắt.

⁴ Đối với cá nhân ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

¹Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO TÓM TẮT THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG.....²
(Khen thưởng quá trình cống hiến)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Bí danh³: Nam, nữ:
- Số CCCD (đối với cá nhân còn sống):
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán⁴:
- Nơi thường trú⁴:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần):
- Chức vụ đề nghị khen thưởng (Ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận): ..
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia các đoàn thể):
- Năm nghỉ hưu (hoặc từ trần):

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và tóm tắt thành tích quá trình công tác⁵.

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (đăng, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ

III. KÝ LUẬT:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN⁷

NGƯỜI BÁO CÁO⁶
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

¹ Địa danh.

² Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

³ Trường hợp có nhiều bí danh thì chỉ ghi bí danh thường dùng.

⁴ Đơn vị hành chính: Xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố) theo địa danh mới.

⁵ Nếu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng.

Đối với trường hợp đã nghỉ hưu (hoặc từ trần) chưa được khen thưởng thì tóm tắt báo cáo quá trình công tác đến khi nghỉ hưu (hoặc từ trần); đồng thời, cam kết từ khi có thông báo nghỉ chế độ hưu trí/quyết định nghỉ hưu đến nay, cá nhân chưa được khen thưởng quá trình cống hiến.

Ghi rõ hình thức kỷ luật từ khi công tác đến khi đề nghị khen thưởng (nếu có);

⁶ Đối với cán bộ đã từ trần: Cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu hoặc từ trần có trách nhiệm báo cáo, kê khai quá trình công tác (ghi rõ họ, tên... chức vụ người tóm tắt quá trình công tác).

⁷ Đối với cán bộ đã nghỉ hưu (kể cả trường hợp đã từ trần), trước khi xác nhận cần xem xét việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú.

Đối với cán bộ thuộc tỉnh, thành phố quản lý do Ban tổ chức tỉnh ủy hoặc thành ủy xác nhận.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

¹Tỉnh (thành phố), ngày... tháng...năm...**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG**²**(Khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề, khen thưởng chuyên đề)****Tên tập thể hoặc cá nhân hoặc hộ gia đình đề nghị khen thưởng**
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đối với hộ gia đình ghi rõ: Họ và tên chủ hộ, số CCCD, ngày, tháng, năm sinh; nơi thường trú....

3. Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), số CCCD, ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo kết quả thành tích xuất sắc đạt được, các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong các phong trào thi đua chuyên đề hoặc chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, của cơ quan, đơn vị; các thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo; thành tích đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội (đối với hộ gia đình); các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội...³.

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH**KHEN THƯỞNG⁵**

(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ HOẶC CÁ NHÂN**BÁO CÁO⁴**

(Ký, đóng dấu)

¹ Địa danh.² Ghi hình thức đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.³ Nếu là tập thể hoặc thủ trưởng đơn vị sản xuất, kinh doanh phải nêu việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; bảo đảm môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.⁴ Đối với cá nhân: Ghi "Người báo cáo thành tích" và ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan.⁵ Xác nhận của bộ, ban, ngành, tỉnh. Đối với thành tích có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo phải ghi rõ mức độ đóng góp (nhiều đóng góp lớn, đóng góp lớn, có nhiều đóng góp, có đóng góp) tương ứng với tiêu chuẩn của hình thức khen thưởng; đối với hộ gia đình phải xác nhận rõ thành tích đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc¹Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG.....²****Tên tập thể đề nghị**

(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử.
- Quá trình thành lập và phát triển.
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức đảng, đoàn thể); những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ³.

2. Chức năng nhiệm vụ được giao: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nêu rõ những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo (về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...)⁴.

2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu⁵.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁶.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể⁷.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁸

1. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc ngày, tháng, năm của văn bản xác nhận

2. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng (nếu tập thể có tổ chức đảng):

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc Ngày, tháng, năm của văn bản xác nhận

3. Danh hiệu thi đua:

Năm thành tích xét tặng danh hiệu thi đua	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

4. Hình thức khen thưởng:

Năm thành tích xét khen thưởng	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định	Loại hình khen thưởng, nội dung thành tích ghi trong quyết định khen thưởng

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Địa danh.

² Ghi danh hiệu đề nghị (Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân).

³ Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh nêu rõ tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động; nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng...).

⁴ Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ báo cáo thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất hoặc thành tích đặc biệt khác).

Báo cáo nêu rõ nội dung thành tích đạt được theo quy định tại Điều 62 (đối với danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân); Điều 63 (đối với Anh hùng Lao động) của Luật Thi đua, khen thưởng. Thống kê việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản trong 10 năm gần đây (có so sánh với các năm trước); ví dụ:

- Đối với trường học: Báo cáo thể hiện rõ kết quả công tác tổ chức và quản lý, quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế (đối với cơ sở đào tạo), có so sánh với giai đoạn trước khi khen thưởng.

- Đối với bệnh viện: Có bảng thống kê để so sánh về tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám miễn phí; chất lượng khám, chữa bệnh; số đề tài nghiên cứu khoa học, số sáng kiến áp dụng khoa học kỹ thuật trong khám, chữa bệnh...

- Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh: Có bảng thống kê để so sánh về tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân, số sáng kiến cải tiến, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế; phúc lợi xã hội; việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; bảo đảm môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

⁵ Nêu các biện pháp để đạt thành tích dẫn đầu trong đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học... mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ngành, địa phương được nhân dân và cấp có thẩm quyền công nhận.

⁶ Việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên chức; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phòng chống cháy, nổ; các hoạt động xã hội, từ thiện...

⁷ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể); đối với tập thể (có tổ chức đảng) đề nghị hình thức khen thưởng theo tiêu chuẩn có tổ chức đảng liên tục được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian tính thành tích khen thưởng thì trong báo cáo thành tích phải ghi rõ tổ chức đảng liên tục được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian tính thành tích khen thưởng, trong đó, có ít nhất 50% số năm tính thành tích khen thưởng được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc được đánh giá trong sạch, vững mạnh.

⁸ Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ; các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng. Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định hoặc số văn bản xác nhận, ngày, tháng, năm, cơ quan xác nhận.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc¹Tỉnh (thành phố), ngày... tháng...năm...**BÁO CÁO THÀNH TÍCH**
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG) DANH HIỆU ANH HÙNG²**Họ tên, chức vụ và đơn vị công tác của cá nhân đề nghị khen thưởng**
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)**I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH**

1. Sơ lược lý lịch:

- Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:.....
- Số CCCD (đối với cá nhân còn sống):.....
- Quê quán³:.....
- Nơi thường trú:.....
- Chức vụ, đơn vị công tác (hoặc trước khi hy sinh, từ trần):.....
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:.....
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:.....
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia đoàn thể):
- Ngày, tháng, năm hy sinh (hoặc từ trần):.....

2. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao:.....

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC1. Những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo, công tác (chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...) ⁴.2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu ⁵.3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ⁶.**III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN ⁷**

1. Danh hiệu thi đua

Năm thành tích xét tặng danh hiệu thi đua	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm thành tích xét khen thưởng	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định	Loại hình khen thưởng, nội dung thành tích ghi trong quyết định khen thưởng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO⁸
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Địa danh.

² Ghi rõ danh hiệu đề nghị Nhà nước tặng, truy tặng (Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân).

³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, đặc khu); tỉnh (thành phố thuộc trung ương) theo địa danh mới.

⁴ Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ trường hợp đặc biệt, đột xuất).

Báo cáo nêu rõ nội dung thành tích đạt được theo quy định tại Điều 62 hoặc Điều 63 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Đối với lãnh đạo đơn vị cần nêu tóm tắt thành tích của đơn vị; lập bảng thống kê các chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản trong 10 năm gần đây (có so sánh với các năm trong giai đoạn này nhằm làm rõ vai trò của cá nhân đối với tập thể), vai trò cá nhân trong việc tham gia xây tổ chức đảng, đoàn thể (kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể); nếu là đơn vị sản xuất, kinh doanh nêu việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; bảo đảm môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

⁵ Nêu các biện pháp để đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, các giải pháp, nghiên cứu khoa học, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu...) có ý nghĩa chính trị, xã hội đối với bộ, ngành, địa phương, được quần chúng nêu gương học tập và cấp có thẩm quyền công nhận.

⁶ Gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định nơi cư trú; phẩm chất đạo đức, tác phong, xây dựng gia đình văn hóa; tham gia các phong trào thi đua; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các hoạt động xã hội, từ thiện...

⁷ Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen, danh hiệu thi đua) đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố tặng hoặc truy tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng năm ký quyết định).

⁸ Đối với cá nhân đã hy sinh (tử trận): Ghi rõ họ, tên, chức vụ người viết báo cáo thay.

CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG
(Áp dụng đối với tổ chức)

Tên tổ chức:
 (Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH:

- Tên tổ chức nước ngoài:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại: Fax.:.....
- Địa chỉ, văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:.....
- Quá trình thành lập và phát triển:.....

II. THÀNH TÍCH, ĐÓNG GÓP:

.....

III. CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN VÀ TỔ CHỨC CỦA VIỆT NAM GHI NHẬN:

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN TRÌNH KHEN THƯỞNG

CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG)
(Áp dụng đối với cá nhân)

I. TÓM TẮT TIỂU SỬ VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên:.....
- Ngày sinh: Giới tính:.....
- Quốc tịch:.....
- Chức vụ:.....
- Địa chỉ nơi ở hoặc trụ sở làm việc:.....
- 2. Tóm tắt quá trình công tác:.....

II. THÀNH TÍCH, ĐÓNG GÓP:

**III. CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN/TỔ CHỨC
CỦA VIỆT NAM GHI NHẬN:**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN TRÌNH KHEN THƯỞNG



Phụ lục II
MẪU TRÌNH BÀY ĐỀ NGHỊ
ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Nghị định số 368/2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng cấp Nhà nước (áp dụng đối với tập thể)
Mẫu số 02	Mẫu đơn đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng cấp Nhà nước (áp dụng đối với cá nhân, hộ gia đình)
Mẫu số 03	Mẫu Tờ trình của Bộ, ban, ngành, tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng cấp Nhà nước
Mẫu số 04	Mẫu danh sách đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng cấp Nhà nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
 V/v đề nghị điều chỉnh thông tin quyết
 định khen thưởng cấp Nhà nước

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:¹

Tên tập thể đề nghị điều chỉnh²:

Trực thuộc³:

Địa chỉ hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng⁴:

Theo Quyết định số⁵: ngày tháng năm

Của⁶:

Số sổ vàng⁷:

Đơn vị trình khen⁸:

Lý do điều chỉnh⁹:

Thông tin khen thưởng bị sai¹⁰:

Đề nghị điều chỉnh thông tin thành¹⁰:

(Có hiện vật xin điều chỉnh kèm theo)

(Tên tập thể đề nghị điều chỉnh) cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng:

1: Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2: Ghi tên của tập thể được khen thưởng.

3: Ghi tên đơn vị cấp trên trực tiếp.

4: Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

5: Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

6: Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.

7: Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc sổ sổ vàng ghi trên bằng.

8: Đơn vị trình khen: Ghi tên bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố đã trình khen cho tập thể.

9: Ghi bị sai thông tin khen thưởng trong quyết định.

10: Ghi những thông tin bị sai so với bản khai thành tích hoặc báo cáo thành tích.

11: Ghi những thông tin cần điều chỉnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG

Kính gửi:¹

Tên cá nhân, hộ gia đình đề nghị²:

Số CCCD:

Đề nghị cho³:

Quê quán/chức vụ, đơn vị công tác⁴:

Địa chỉ hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng⁵:

Theo Quyết định số⁶: ngày tháng năm

Của⁷:

Số sổ vàng⁸:

Đơn vị trình khen⁹:

Thông tin bị sai¹⁰:

Đề nghị điều chỉnh thành¹¹:

(Có hiện vật xin điều chỉnh kèm theo)

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Địa danh), ngày tháng năm

Người đề nghị

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng:

1. Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
2. Ghi tên của người đề nghị điều chỉnh nếu thân nhân đề nghị cho đối tượng được khen thưởng. Ghi tên đối tượng được khen thưởng nếu đối tượng được khen thưởng đề nghị điều chỉnh cho bản thân.
3. Ghi tên đối tượng được khen thưởng cần điều chỉnh.
4. Ghi quê quán đối với đối tượng được khen thưởng kháng chiến. Ghi chức vụ, đơn vị công tác đối với đối tượng được khen thưởng kinh tế xã hội. (Ghi theo địa danh/chức vụ, đơn vị khi được khen thưởng, không ghi theo địa danh mới).
5. Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.
6. Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.
7. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.
8. Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc sổ sổ vàng ghi trên bằng.
9. Đơn vị trình khen: Ghi tên bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố đã trình khen cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình trước đây.
10. Ghi thông tin bị sai trong quyết định.
11. Ghi thông tin cần điều chỉnh.

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị điều chỉnh thông tin
Quyết định khen thưởng cấp Nhà nước

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày/...../2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

..... kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

Xem xét điều chỉnh thông tin Quyết định khen thưởng (đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) đối với... trường hợp. Cụ thể như sau:

1.;
2.;
3.

(Có hồ sơ, danh sách chi tiết kèm theo)

Hoặc xem xét, trình Chủ tịch nước điều chỉnh thông tin Quyết định khen thưởng (đối với các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước) đối với..... trường hợp; cụ thể như sau:

1.;
2.;
3.

(Có hồ sơ, danh sách chi tiết kèm theo)

Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ;
-;
-;
-;
- Lưu: VT,

Thủ trưởng đơn vị

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN
TRONG QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG**
(Kèm theo Tờ trình số: _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____)

TT	Số Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh/ ngày tháng năm (nếu có)	Thông tin theo quyết định khen thưởng					Thông tin khen thưởng trong quyết định chưa đúng	Nội dung thông tin đề nghị điều chỉnh	Hiện vật khen thưởng kèm theo
		Hình thức khen thưởng/ Danh hiệu thi đua	Tên đối tượng được khen thưởng	Quê quán/ chức vụ, đơn vị công tác	Số quyết định, ngày tháng năm	Số sổ vàng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

1. Ghi số thứ tự trong danh sách.
2. Ghi số/ngày, tháng năm của Tờ trình bộ, ngành, địa phương đã trình khen cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình được khen thưởng (nếu có).
3. Ghi tên hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua của tập thể, cá nhân, hộ gia đình được khen thưởng.
4. Ghi tên tập thể hoặc cá nhân, hộ gia đình được khen thưởng đúng theo quyết định khen thưởng.
5. Ghi quê quán đối với đối tượng khen thưởng kháng chiến, ghi chức vụ, đơn vị công tác đối với khen kinh tế xã hội.
6. Ghi số/ngày, tháng, năm của Quyết định khen thưởng.
7. Ghi số thứ tự trong quyết định hoặc sổ sổ vàng ghi trên bằng.
8. Ghi nội dung thông tin khen thưởng bị sai trong quyết định khen thưởng.
9. Ghi nội dung cần điều chỉnh trong quyết định khen thưởng.
10. Ghi bằng gốc nếu có bằng, ghi bằng gốc thất lạc nếu không có bằng gốc.